TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-11-2023
Về việc ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lưu Văn Bình.

2. Bà Đoàn Thị Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 11 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 177/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc *"Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 228/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/11/2023, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị **Lê Thị D**, sinh năm 1972;

2- Bị đơn: Anh **Nguyễn Thanh P**, sinh năm 1970;

Cùng địa chỉ: ấp G, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

(Các đượng sự đều có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, chị D trình bày: Anh P và chị D cưới nhau năm 1996, nhưng đến nay không đăng ký kết hôn. Hiện tại anh chị có 02 người con chung là Nguyễn Đức K, sinh năm 1997 và Nguyễn Duy T, sinh năm 2001, cả hai đều đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được. Thời gian đầu mặc dù hoàn cảnh gia đình khó khăn nhưng sống rất hạnh phúc, vợ chồng cố gắng làm ăn xây dựng gia đình, lo cho các con. Những năm gần đây gia

đình bắt đầu xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất hòa trong cuộc sống, không còn tiếng nói chung, không chia sẻ công việc gia đình. Nay thấy tình cảm không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Các con đã trưởng thành, tài sản tự thỏa thuận, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án anh P trình bày:* Anh P và chị D cưới nhau năm 1997, nhưng đến nay không đăng ký kết hôn. Hiện tại có 02 người con chung như lời trình bày của chị D. Anh P đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị D. Anh không tranh chấp hay yêu cầu gì khác, tài sản tự thỏa thuận, không yêu cầu trong vụ án này.

- *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình. Anh chị sống chung từ năm 1996 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn nên đề nghị không công nhận anh chị là vợ chồng. Không ai yêu cầu gì khác nên đề nghị không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị D và anh P không đăng ký kết hôn nhưng có yêu cầu giải quyết ly hôn nên Tòa án thụ lý vụ án giải quyết theo quy định tại Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Năm 1996 chị D và anh P sống chung như vợ chồng cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng đối với anh chị. Theo đó, chị D và anh P không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị D và anh P đều xác định có 02 người con chung, hiện nay đều đã trưởng thành, không ai yêu cầu gì nên không xét.

[4] Về cấp dưỡng: Không ai yêu cầu nên không xét.

[5] Về tài sản và nợ chung: Đương sự không tranh chấp tài sản và trình bày không nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thành vụ án khác.

[6] Án phí sơ thẩm: Chị D là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Như vậy, chị D phải chịu án phí là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, 14, 53, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị D và anh Nguyễn Thanh P.

2- Về con chung, tài sản, cấp dưỡng: Không ai yêu cầu nên không xem xét.

3- Án phí sơ thẩm: Chị Lê Thị D chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0003357 ngày 10/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh.

4- Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Trường Hận